

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/LĐ-PT

Ngày 23-11-2021

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại,
trợ cấp khi đơn phương chấm dứt
hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Tuấn

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLPT-LĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021 về việc “*tranh chấp bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 05/2021/LĐ-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Các nguyên đơn:

1/ Nguyễn Thị N, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp 5, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

3/ Võ Thị Tuyết A, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

4/ Nguyễn Kim K, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

5/ Võ Trí T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- 6/ Lương Thị B, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp 5, xã L1, huyện B, tỉnh Long An.
- 7/ Huỳnh Thị H1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện B, tỉnh Long An.
- 8/ Lê Thị Kim A1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện B, tỉnh Long An.
- 9/ Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 10/ Huỳnh Thị Ngọc P, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 11/ Đỗ Thị Ngọc H2, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 12/ Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 13/ Phùng Thị Hồng G, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 14/ Huỳnh Quốc H3, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 15/ Nguyễn Thị G1, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 16/ Nguyễn Thị Yến T1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp 10, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 17/ Trần Thị T2, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện B, tỉnh Long An.
- 18/ Đặng Thị Sơn P1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp 5A, xã L1, huyện B, tỉnh Long An.
- 19/ Lê Thị T3, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 20/ Nguyễn Thị B1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 21/ Huỳnh Thị H4, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 22/ Trần Thị H5, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp Đ 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Tạm trú: Ấp 10, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 23/ Lâm Thị Ngọc Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 24/ Phùng Thị M1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

- 25/ Phạm Thị L1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 26/ Dương Thị T4, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An.
- 27/ Nguyễn Thị Ngọc H6, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 28/ Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 29/ Bùi Thị Thu H7, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 30/ Nguyễn Thị Kim T5, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 31/ Thị H8, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.
- 32/ Võ Văn S1, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp G, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
- 33/ Hà Thị Thu H9, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp 3B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.
- 34/ Võ Yến P2, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
- 35/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Long An.
- 36/ Nguyễn Văn H10, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp 6, xã T1, huyện B, tỉnh Long An.
- 37/ Nguyễn Thị G2, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 38/ Đặng Thị S2, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 39/ Phan Thị Thu Th, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp 4, xã L1, huyện B, tỉnh Long An.
- 40/ Trương Thị Ngọc D, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 41/ Lê Thị Thu Tr, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp 4, xã L1, huyện B, tỉnh Long An.
- 42/ Lê Trọng M2, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
- 43/ Nguyễn Xuân T6, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

44/ Trần Hữu N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

45/ Nguyễn Thị Mộng T7, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

46/ Trần Ngọc A1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

47/ Nguyễn Văn T8, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp M 2, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

48/ Phan Thị Thanh D1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

49/ Nguyễn Thị Thanh S3, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

50/ Phan Thị H11, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp 5A, xã L1, huyện B, tỉnh Long An.

51/ Đỗ Thị Th1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

52/ Nguyễn Văn L2, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp 6, xã T1, huyện B, tỉnh Long An.

53/ Nguyễn Thị L3, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp 6, xã T1, huyện B, tỉnh Long An.

54/ Huỳnh Thị Kim S4, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 45, Đường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

55/ Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

56/ Phạm Thị Thảo Tr1, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

57/ Võ Anh T11, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

58/ Đào Thị S5, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

59/ Trương Thị H12, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

60/ Nguyễn Thị Hồng Th2, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số 37, tổ 15 ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn Nguyễn Kim K, Nguyễn Xuân T6, Hà Thị Thu H9, Phùng Thị Hồng G: Ông Nguyễn Văn H và

bà Đoàn Thị Phương D là Luật sư của Văn phòng luật sư Tân An thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại H (gọi tắt Công ty H).
Địa chỉ trụ sở chính: Tỉnh lộ 830 ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Gịp Cao T – Chức vụ: Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Bà Đặng Thị Cẩm H, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Số 89 đường V, khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2020).

2. Ông Phạm Phước T, sinh năm 1962. Địa chỉ cư trú: 368/2 C, phường 7, thành phố T, tỉnh Long An. (Giấy ủy quyền ngày 25/10/2021).

- *Người kháng cáo:* 51 nguyên đơn (không bao gồm 09 nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện là các ông bà: Huỳnh Quốc H3, Trần Thị T2, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị L3, Võ Thị Tuyết A, Trần Ngọc A1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim T5).

(Ông Nguyễn Thành T, bà Đặng Thị Cẩm H, ông Phạm Phước T, Luật sư Nguyễn Văn H, Luật sư Đoàn Thị Phương D, cùng các nguyên đơn Nguyễn Kim K, Nguyễn Xuân T6, Hà Thị Thu H9 có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Nguyễn Thành T thống nhất trình bày:

1. Bà Nguyễn Thị N là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 12/2010. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 234.000 đồng. Lương thực nhận là 6.084.000 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị H là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 7/2008. Mức lương là 4.564.000 đồng, lương ngày công là 233.000 đồng. Lương thực nhận là 6.058.000 đồng.

3. Bà Võ Thị Tuyết A là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 02/2012. Mức lương là 4.193.000 đồng, lương ngày công là 201.000 đồng. Lương thực nhận là 5.226.000 đồng.

4. Bà Nguyễn Kim K là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 01/2007. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 240.000 đồng. Lương thực nhận là 6.240.000 đồng.

5. Ông Võ Trí T là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 06/2010. Mức lương là 4.195.000 đồng, lương ngày công là 221.000 đồng. Lương thực nhận là 5.746.000 đồng.

6. Bà Lương Thị B là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 05/2016. Mức lương là 4.357.000 đồng, lương ngày công là 195.000 đồng. Lương thực nhận là 5.070.000 đồng.

7. Bà Huỳnh Thị H1 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 02/2012. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 201.000 đồng. Lương thực nhận là 5.226.000 đồng.

8. Bà Lê Thị Kim A1 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 4/2015. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 201.000 đồng. Lương thực nhận là 5.226.000 đồng.

9. Bà Đỗ Thị Kim L là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 08/2010. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 208.000 đồng. Lương thực nhận là 5.408.000 đồng.

10. Bà Huỳnh Thị Ngọc P là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 08/2008. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 223.000 đồng. Lương thực nhận là 5.798.000 đồng.

11. Bà Đỗ Thị Ngọc H2 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 0/2011. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 201.000 đồng. Lương thực nhận là 5.226.000 đồng.

12. Bà Nguyễn Thị Ngọc M là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 10/2018. Mức lương là 4.445.000 đồng, lương ngày công là 223.000 đồng. Lương thực nhận là 5.798.000 đồng.

13. Bà Phùng Thị Hồng G là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 8/2009. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 220.000 đồng. Lương thực nhận là 5.720.000 đồng.

14. Ông Huỳnh Quốc H3 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 4/2014. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 200.000 đồng. Lương thực nhận là 5.200.000 đồng.

15. Bà Nguyễn Thị G1 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 12/2010. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 210.000 đồng. Lương thực nhận là 5.460.000 đồng.

16. Bà Nguyễn Thị Yên T1 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 3/2014. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 195.000 đồng. Lương thực nhận là 5.070.000 đồng.

17. Bà Trần Thị T2 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 10/2014. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 195.000 đồng. Lương thực nhận là 5.070.000 đồng.

18. Bà Đặng Thị Son P1 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 3/2016. Mức lương là 4.507.000 đồng, lương ngày công là 191.000 đồng. Lương thực nhận là 4.966.000 đồng.

19. Bà Lê Thị T3 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 7/2009. Mức lương là 4.445.000 đồng, lương ngày công là 217.000 đồng. Lương thực nhận là 5.642.000 đồng.

20. Bà Nguyễn Thị B1 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 02/2009. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 221.000 đồng. Lương thực nhận là 5.746.000 đồng.

21. Bà Huỳnh Thị H4 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 6/2006. Mức lương là 4.564.000 đồng, lương ngày công là 250.000 đồng. Lương thực nhận là 6.500.000 đồng.

22. Bà Trần Thị H5 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 5/2014. Mức lương là 4.569.000 đồng, lương ngày công là 195.000 đồng. Lương thực nhận là 5.070.000 đồng.

23. Bà Lâm Thị Ngọc Đ là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 02/2009. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 225.000 đồng. Lương thực nhận là 5.850.000 đồng.

24. Bà Phùng Thị M1 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 07/2013. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 197.000 đồng. Lương thực nhận là 5.122.000 đồng.

25. Bà Phạm Thị L1 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 6/2010. Mức lương là 4.195.000 đồng, lương ngày công là 201.000 đồng. Lương thực nhận là 5.226.000 đồng.

26. Bà Dương Thị T4 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 4/2015. Mức lương là 4.357.000 đồng, lương ngày công là 171.000 đồng. Lương thực nhận là 4.446.000 đồng.

27. Bà Nguyễn Thị Ngọc H6 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 6/2010. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 219.000 đồng. Lương thực nhận là 5.694.000 đồng.

28. Bà Nguyễn Thị Kim C là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 9/2009. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 222.000 đồng. Lương thực nhận là 5.772.000 đồng.

29. Bà Bùi Thị Thu H7 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 7/2009. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 222.000 đồng. Lương thực nhận là 5.772.000 đồng.

30. Bà Nguyễn Thị Kim T5 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 5/2009. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 222.000 đồng. Lương thực nhận là 5.772.000 đồng.

31. Bà Thị H8 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 9/2014. Mức lương là 4.569.000 đồng, lương ngày công là 195.000 đồng. Lương thực nhận là 5.070.000 đồng.

32. Ông Võ Văn S1 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 5/2014. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 200.000 đồng. Lương thực nhận là 5.200.000 đồng.

33. Bà Hà Thị Thu H9 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 10/2013. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 207.000 đồng. Lương thực nhận là 5.382.000 đồng.

34. Bà Võ Yến P2 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 04/2018. Mức lương là 4.195.000 đồng, lương ngày công là 185.000 đồng. Lương thực nhận là 4.810.000 đồng.

35. Bà Nguyễn Thị Hiếu là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 02/2014. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 195.000 đồng. Lương thực nhận là 5.070.000 đồng.

36. Ông Nguyễn Văn H10 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 05/2012. Mức lương là 4.193.000 đồng, lương ngày công là 208.000 đồng. Lương thực nhận là 5.408.000 đồng.

37. Bà Nguyễn Thị G2 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 08/2010. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 210.000 đồng. Lương thực nhận là 5.460.000 đồng.

38. Bà Đặng Thị S2 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 07/2009. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 222.000 đồng. Lương thực nhận là 5.772.000 đồng.

39. Bà Phan Thị Thu Th là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 04/2014. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 201.000 đồng. Lương thực nhận là 5.226.000 đồng.

40. Bà Trương Thị Ngọc D là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 04/2014. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 195.000 đồng. Lương thực nhận là 5.070.000 đồng.

41. Bà Lê Thị Thu Tr là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 04/2008. Mức lương là 4.564.000 đồng, lương ngày công là 226.000 đồng. Lương thực nhận là 5.876.000 đồng.

42. Ông Lê Trọng M2 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 05/2008. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 241.000 đồng. Lương thực nhận là 5.720.000 đồng.

43. Ông Nguyễn Xuân T6 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 08/2007. Mức lương là 4.564.000 đồng, lương ngày công là 242.000 đồng. Lương thực nhận là 6.292.000 đồng.

44. Ông Trần Hữu N là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 4/2014. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 200.000 đồng. Lương thực nhận là 5.200.000 đồng.

45. Bà Nguyễn Thị Mộng T7 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 03/2015. Mức lương là 4.357.000 đồng, lương ngày công là 191.000 đồng. Lương thực nhận là 4.966.000 đồng.

46. Bà Trần Ngọc A1 Bà Trần Ngọc A1 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 03/2013. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 197.000 đồng. Lương thực nhận là 5.122.000 đồng.

47. Ông Nguyễn Văn T8 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 3/2018. Mức lương là 4.198.000 đồng, lương ngày công là 198.000 đồng. Lương thực nhận là 4.914.000 đồng.

48. Bà Phan Thị Thanh D1 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 5/2016. Mức lương là 4.357.000 đồng, lương ngày công là 191.000 đồng. Lương thực nhận là 4.966.000 đồng.

49. Bà Nguyễn Thị Thanh S3 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 06/2011. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 203.000 đồng. Lương thực nhận là 5.278.000 đồng.

50. Bà Phan Thị H11 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 7/2011. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 201.000 đồng. Lương thực nhận là 5.226.000 đồng.

51. Bà Đỗ Thị Th1 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 7/2014. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 195.000 đồng. Lương thực nhận là 5.070.000 đồng.

52. Ông Nguyễn Văn L2 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 08/2010. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 221.000 đồng. Lương thực nhận là 5.746.000 đồng.

53. Bà Nguyễn Thị L3 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 12/2010. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 210.000 đồng. Lương thực nhận là 5.460.000 đồng.

54. Bà Huỳnh Thị Kim S4 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 03/2014. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 195.000 đồng. Lương thực nhận là 5.070.000 đồng.

55. Bà Nguyễn Thị Hồng Y là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 06/2011. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 200.000 đồng. Lương thực nhận là 5.200.000 đồng.

56. Bà Phạm Thị Thảo Tr1 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 2/2018. Mức lương là 4.198.000 đồng, lương ngày công là 185.000 đồng. Lương thực nhận là 4.810.000 đồng.

57. Ông Võ Anh T11 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 07/2017. Mức lương là 4.195.000 đồng, lương ngày công là 193.000 đồng. Lương thực nhận là 5.018.000 đồng.

58. Bà Đào Thị S5 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 7/2013. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 197.000 đồng. Lương thực nhận là 5.122.000 đồng.

59. Bà Trương Thị H12 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ tháng 4/2017. Mức lương là 4.195.000 đồng, lương ngày công là 189.000 đồng. Lương thực nhận là 4.914.000 đồng.

60. Bà Nguyễn Thị Hồng Th2 là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H từ năm 2011. Mức lương là 4.419.000 đồng, lương ngày công là 224.000 đồng. Lương thực nhận là 5.824.000 đồng.

Các nguyên đơn là công nhân làm việc tại công ty TNHH SX – TM H. Thời gian làm việc là 8/giờ/ngày - 48 giờ/tuần, có đảm đảm chế độ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/3/2020, công ty ra Thông báo số 09-TB/Cty/HK về việc nghỉ chống dịch bệnh Covid 19, áp dụng từ ngày 30/3/2020-17/4/2020 cho tất cả công nhân nghỉ chống dịch. Thứ bảy ngày 18/4/2020, thì tất cả công nhân nghỉ phép năm. Đến ngày 20/4/2020 nếu tình hình khả quan, Quản đốc sẽ thông báo thời gian nghỉ tiếp theo.

Ngày 28/4/2020, công ty ra thông báo lần 2 số 39-TB/Cty/HK cắt giảm biên chế công nhân lao động do dịch bệnh Covid 19. Đồng thời, cùng ngày công ty ra Quyết định cho thôi việc đối với các nguyên đơn và hỗ trợ số tiền là 2.000.000 đồng và yêu cầu các nguyên đơn phải làm bản cam kết không khiếu nại hay tranh chấp gì về việc cho thôi việc này. Nhận thấy, việc công ty cho các nguyên đơn thôi việc nêu trên là trái với quy định của Bộ luật lao động năm 2012.

Nay ông là người đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại Hù Kiệt phải bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật cho từng các nguyên đơn như sau:

1. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 128.587.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $6.084.000 \text{ đồng} \times 4 = 24.336.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $234.000 \text{ đồng} \times 45 = 10.530.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $6.084.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 71.370.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

2. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 118.538.380 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu năm trăm ba mươi tám ngàn ba trăm tám mươi đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $6.058.000 \text{ đồng} \times 4 = 24.232.000 \text{ đồng}$;
- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $233.000 \text{ đồng} \times 45 = 10.485.000 \text{ đồng}$;
- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $6.058.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 71.065.000 \text{ đồng}$;
- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.564.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 7.850.080 \text{ đồng}$.

3. Bồi thường cho bà Nguyễn Kim K số tiền là 121.311.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi một triệu ba trăm mười một ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $6.240.000 \text{ đồng} \times 4 = 24.960.000 \text{ đồng}$;
- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $240.000 \text{ đồng} \times 45 = 10.800.000 \text{ đồng}$;
- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $6.240.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 73.200.000 \text{ đồng}$;
- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

4. Bồi thường cho ông Võ Trí T số tiền là 112.059.025 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu không trăm năm mươi chín ngàn không trăm hai mươi lăm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc: $5.746.000 \text{ đồng} \times 4 = 22.894.000 \text{ đồng}$;
- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $220.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.945.000 \text{ đồng}$;
- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.746.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 67.405.000 \text{ đồng}$;
- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.195.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 11.725.025 \text{ đồng}$.

5. Bồi thường cho bà Lương Thị B số tiền là 100.707.815 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu bảy trăm linh bảy ngàn tám trăm mười lăm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc: $5.070.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.280.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $195.000 \text{ đồng} \times 45 = 8.775.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.070.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 59.475.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.357.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.177.815 \text{ đồng}$.

6. Bồi thường cho bà Huỳnh Thị H1 số tiền là 103.605.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.226.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.904.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $201.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.045.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.226.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 61.305.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

7. Bồi thường cho bà Lê Thị Kim A1 số tiền là 103.605.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.226.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.904.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $201.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.045.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.226.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 61.305.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

8. Bồi thường cho bà Đỗ Thị Kim L số tiền là 106.783.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh sáu triệu bảy trăm tám mươi ba ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc: $5.408.000 \text{ đồng} \times 4 = 21.632.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $208.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.360.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 -20/4/2021: $5.408.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 63.440.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

9. Bồi thường cho bà Huỳnh Thị Ngọc P số tiền là 113.593.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu năm trăm chín mươi ba ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc: $5.798.000 \text{ đồng} \times 4 = 23.192.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $223.000 \text{ đồng} \times 45 = 10.035.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 -20/4/2021: $5.798.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 68.015.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

10. Bồi thường cho bà Đỗ Thị Ngọc H2 số tiền là 103.605.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc: $5.226.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.904.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $201.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.045.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 -20/4/2021: $5.226.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 61.305.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

11. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền là 113.665.775 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.798.000 \text{ đồng} \times 4 = 23.192.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $223.000 \text{ đồng} \times 45 = 10.035.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2020: $5.798.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 68.015.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.445.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.423.775 \text{ đồng}$.

12. Bồi thường cho bà Phùng Thị Hồng G số tiền là 112.231.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu hai trăm ba mươi một ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.720.000 \text{ đồng} \times 4 = 22.880.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $220.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.900.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.720.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 67.100.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

13. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị G1 số tiền là 107.691.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh bảy triệu sáu trăm chín mươi một ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.460.000 \text{ đồng} \times 4 = 21.840.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $210.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.450.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.460.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 64.050.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

14. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Yến T1 số tiền là 100.881.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.070.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.280.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $195.000 \text{ đồng} \times 45 = 8.775.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.070.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 59.475.000 \text{ đồng}$.

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

15. Bồi thường cho bà Đặng Thị Sơn P1 số tiền là 99.311.065 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi chín triệu ba trăm mười một ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $4.966.000 \text{ đồng} \times 4 = 19.864.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $191.000 \text{ đồng} \times 45 = 8.595.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: 4.966.000 đồng x 11 tháng, 19 ngày = 58.255.000 đồng;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: 4.507.000 đồng x 21,5% x 13 tháng = 12.597.065 đồng.

16. Bồi thường cho bà Lê Thị T3 số tiền là 110.869.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc 5.642.000 đồng x 4 = 22.568.000 đồng;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: 217.000 đồng x 45 = 9.765.000 đồng;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: 5.642.000 đồng x 11 tháng, 19 ngày = 66.185.000 đồng;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: 4.445.000 đồng x 21,5% x 13 tháng = 12.351.105 đồng.

17. Bồi thường cho bà Huỳnh Thị H4 số tiền là 126.256.380 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc 6.058.000 đồng x 4 = 24.232.000 đồng;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: 233.000 đồng x 45 = 10.485.000 đồng;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: 6.058.000 đồng x 11 tháng, 19 ngày = 76.250.000 đồng;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: 4.564.000 đồng x 21,5% x 13 tháng = 12.756.380 đồng.

18. Bồi thường cho bà Lâm Thị Ngọc Đ số tiền là 114.501.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu năm trăm lẻ một ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc 5.850.000 đồng x 4 = 23.400.000 đồng;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: 225.000 đồng x 45 = 10.125.000 đồng;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: 5.850.000 đồng x 11 tháng, 19 ngày = 68.625.000 đồng;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: 4.419.000 đồng x 21,5% x 13 tháng = 12.351.105 đồng.

19. Bồi thường cho bà Phùng Thị M1 số tiền là 101.789.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh một triệu bảy trăm tám mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc: $5.122.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.448.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $197.000 \text{ đồng} \times 45 = 8.865.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 - 20/4/2021: $5.122.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 60.085.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

20. Bồi thường cho bà Phạm Thị L1 số tiền là 103.605.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.226.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.904.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $201.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.045.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.226.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 61.305.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.195.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

21. Bồi thường cho bà Dương Thị T4 số tiền là 89.511.518 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi chín triệu năm trăm mười một ngàn năm trăm mười tám đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $4.446.000 \text{ đồng} \times 4 = 17.784.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $171.000 \text{ đồng} \times 45 = 7.695.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $4.446.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 52.155.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.357.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.177.815 \text{ đồng}$.

22. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc H6 số tiền là 111.777.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười một triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.694.000 \text{ đồng} \times 4 = 22.776.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $219.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.855.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.694.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 66.795.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

23. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền là 113.139.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu một trăm ba mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.772.000 \text{ đồng} \times 4 = 23.088.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $222.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.990.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.694.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 66.795.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

24. Bồi thường cho bà Bùi Thị Thu H7 số tiền là 113.139.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu một trăm ba mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.772.000 \text{ đồng} \times 4 = 23.088.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $222.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.990.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.772.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 67.710.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

25. Bồi thường cho bà Thị H8 số tiền là 101.570.355 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh một triệu năm trăm bảy mươi ngàn ba trăm năm mươi lăm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.070.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.280.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $195.000 \text{ đồng} \times 45 = 8.775.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.070.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 59.745.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.569.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.770.355 \text{ đồng}$.

26. Bồi thường cho ông Võ Văn S1 số tiền là 103.151.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm lẻ ba triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.200.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.800.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $200.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.000.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.200.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 61.000.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

27. Bồi thường cho bà Hà Thị Thu H9 số tiền là 106.329.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh sáu triệu ba trăm hai mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.382.000 \text{ đồng} \times 4 = 21.528.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $207.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.315.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.382.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 63.135.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

28. Bồi thường cho bà Võ Yến P2 số tiền là 92.940.025 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi ngàn không trăm hai mươi lăm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc: $4.810.000 \text{ đồng} \times 4 = 19.240.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 30 ngày: $185.000 \text{ đồng} \times 30 = 5.550.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $4.810.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 56.425.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.195.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 11.725.000 \text{ đồng}$.

29. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng Th2 số tiền là 114.047.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.824.000 \text{ đồng} \times 4 = 23.296.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $224.000 \text{ đồng} \times 45 = 10.080.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.824.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 68.320.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

30. Bồi thường cho ông Nguyễn Văn H10 số tiền là 106.151.435 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh sáu triệu một trăm năm mươi một ngàn bốn trăm ba mươi lăm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc là $5.408.000 \text{ đồng} \times 4 = 21.632.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $208.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.360.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: là $5.408.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 63.440.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.193.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 11.719.435 \text{ đồng}$.

31. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị G2 số tiền là 107.691.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh bảy triệu sáu trăm chín mươi một ngàn một trăm linh một đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc là $5.460.000 \text{ đồng} \times 4 = 21.840.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $210.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.450.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: là $5.460.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 64.050.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

32. Bồi thường cho bà Đặng Thị S2 số tiền là 113.139.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu một trăm ba mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc: $5.772.000 \text{ đồng} \times 4 = 23.088.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $222.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.990.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: 5.772.000 đồng x 11 tháng, 19 ngày = 67.710.000 đồng;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: 4.419.000 đồng x 21,5% x 13 tháng = 12.351.105 đồng.

33. Bồi thường cho bà Phan Thị Thu Th số tiền là 103.605.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc 5.226.000 đồng x 4 = 20.904.000 đồng;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: 201.000 đồng x 45 = 9.045.000 đồng;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: 5.226.000 đồng x 11 tháng, 19 ngày = 61.305.000 đồng;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: 4.419.000 đồng x 21,5% x 13 tháng = 12.351.105 đồng.

34. Bồi thường cho bà Trương Thị Ngọc D số tiền là 100.881.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc 5.070.000 đồng x 4 = 20.280.000 đồng;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: 195.000 đồng x 45 = 8.775.000 đồng;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: 5.070.000 đồng x 11 tháng, 19 ngày = 59.475.000 đồng;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: 4.419.000 đồng x 21,5% x 13 tháng = 12.351.105 đồng.

35. Bồi thường cho bà Lê Thị Thu Tr số tiền là 120.360.380 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi ngàn ba trăm tám mươi đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc 5.876.000 đồng x 4 = 23.504.000 đồng;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: 226.000 đồng x 45 = 10.170.000 đồng;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: 5.876.000 đồng x 11 tháng, 19 ngày = 68.930.000 đồng;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: 4.564.000 đồng x 21,5% x 13 tháng = 12.756.380 đồng.

36. Bồi thường cho ông Lê Trọng M2 số tiền là 121.765.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi một triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc: $5.720.000 \text{ đồng} \times 4 = 22.880.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $241.000 \text{ đồng} \times 45 = 10.485.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.720.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 73.505.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

37. Bồi thường cho ông Nguyễn Xuân T6 số tiền là 122.624.380 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm tám mươi đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc: $6.292.000 \text{ đồng} \times 4 = 25.168.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $242.000 \text{ đồng} \times 45 = 10.890.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $6.292.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 73.810.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.564.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.756.380 \text{ đồng}$.

38. Bồi thường cho ông Trần Hữu N số tiền là 103.151.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm linh năm đồng*)

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.200.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.800.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $200.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.000.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.200.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 61.000.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

39. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Mộng T7 số tiền là 98.891.815 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi tám triệu tám trăm chín mươi một ngàn tám trăm mười lăm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc: $4.966.000 \text{ đồng} \times 4 = 19.864.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $191.000 \text{ đồng} \times 45 = 8.595.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 - 20/4/2021: $4.966.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 58.255.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.357.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.177.815 \text{ đồng}$.

40. Bồi thường cho ông Nguyễn Văn T8 số tiền là 122.624.380 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm tám mươi đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $4.914.000 \text{ đồng} \times 4 = 19.656.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 30 ngày: $198.000 \text{ đồng} \times 30 = 5.670.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 28/7/2020: $4.914.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 73.810.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.198.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.756.380 \text{ đồng}$.

41. Bồi thường cho bà Phan Thị Thanh D1 số tiền là 98.891.815 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi tám triệu tám trăm chín mươi một ngàn tám trăm mười lăm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $4.966.000 \text{ đồng} \times 4 = 19.864.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $191.000 \text{ đồng} \times 45 = 8.595.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $4.966.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 73.810.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.357.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.177.815 \text{ đồng}$.

42. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh S3 số tiền là 103.605.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.278.000 \text{ đồng} \times 4 = 21.112.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $203.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.135.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.278.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 58.255.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.177.815 \text{ đồng}$.

43. Bồi thường cho bà Phan Thị H11 số tiền là 103.605.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.226.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.904.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $201.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.045.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.226.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 61.305.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

44. Bồi thường cho bà Đỗ Thị Th1 số tiền là 100.881.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.070.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.280.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $195.000 \text{ đồng} \times 45 = 8.775.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.070.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 59.475.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

45. Bồi thường cho bà Huỳnh Thị Kim S4 số tiền là 100.881.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.070.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.280.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $195.000 \text{ đồng} \times 45 = 8.775.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.070.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 59.405.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

46. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng Y số tiền là 103.151.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc: $5.200.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.800.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $200.000 \text{ đồng} \times 45 = 9.000.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.200.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 61.000.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.419.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 12.351.105 \text{ đồng}$.

47. Bồi thường cho bà Phạm Thị Thảo Tr1 số tiền là 92.948.410 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn bốn trăm mười đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $4.810.000 \text{ đồng} \times 4 = 19.240.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 30 ngày: $185.000 \text{ đồng} \times 30 = 5.550.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $4.810.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 56.425.000 \text{ đồng}$

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.198.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 11.733.410 \text{ đồng}$.

48. Bồi thường cho ông Võ Anh T11 số tiền là 96.477.425 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm hai mươi lăm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc: $5.018.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.072.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 30 ngày: $193.000 \text{ đồng} \times 30 = 5.790.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: $5.018.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng}, 19 \text{ ngày} = 58.865.000 \text{ đồng}$;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: $4.195.000 \text{ đồng} \times 21,5\% \times 13 \text{ tháng} = 11.750.025 \text{ đồng}$.

49. Bồi thường cho bà Đào Thị S5 số tiền là 101.881.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh một triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm linh năm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc $5.122.000 \text{ đồng} \times 4 = 20.488.000 \text{ đồng}$;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: $197.000 \text{ đồng} \times 45 = 8.865.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 28/8/2020: 5.122.000 đồng x 11 tháng, 19 ngày = 60.085.000 đồng;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: 4.419.000 đồng x 21,5% x 13 tháng = 12.351.105 đồng.

50. Bồi thường cho bà Trương Thị H12 số tiền là 97.531.025 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi bảy triệu năm trăm ba mươi một ngàn không trăm hai mươi lăm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc 4.914.000 đồng x 4 = 19.656.000 đồng;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: 189.000 đồng x 45 = 8.505.000 đồng;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: 4.914.000 đồng x 11 tháng, 19 ngày = 68.320.000 đồng;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: 4.195.000 đồng x 21,5% x 13 tháng = 11.725.025 đồng.

51. Bồi thường cho bà Trần Thị H5 số tiền là 101.300.355 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh một triệu ba trăm ngàn ba trăm năm mươi lăm đồng*). Trong đó:

- 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt HĐLĐ, 02 tháng lương không nhận người lao động trở lại làm việc 5.070.000 đồng x 4 = 20.280.000 đồng;

- Vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: 195.000 đồng x 45 = 8.775.000 đồng;

- Tiền lương mất việc làm tạm tính từ ngày 28/4/2020 – 20/4/2021: 5.070.000 đồng x 11 tháng, 19 ngày = 59.475.000 đồng;

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội: 4.569.000 đồng x 21,5% x 13 tháng = 12.770.355 đồng.

Đối với ông Huỳnh Quốc H3, bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn L2, bà Nguyễn Thị L3, Bà Võ Thị Tuyết A, Trần Ngọc A1, Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kim T5 đã rút toàn bộ đơn khởi kiện, thì ông không có ý kiến gì. Riêng bà Đỗ Thị Th1 đã rút đơn khởi kiện ngày 22/3/2021 nhưng đến ngày 09/4/2021 thì bà Thắm có gọi cho ông biết việc rút đơn. Tuy nhiên, ông đã nói với bà Thắm, nếu bà rút đơn là vi phạm thỏa thuận cam kết giữa ông với bà Thắm. Nội dung thỏa thuận là khi bà Thắm thắng kiện sẽ chi cho ông 30% số tiền mà ông đã nhận ủy quyền nên bà Thắm cùng ông đến Tòa án và ông đã viết “*Đơn xin thay đổi yêu cầu rút đơn*”, bà Thắm đã ký tên vào đơn này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên, không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đặng Thị Cẩm H, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại H trình bày:

Theo bản tường trình ngày 31/8/2020, bản tường trình bổ sung ngày 17/4/2021, thì bà là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn, không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn do ông Nguyễn Thành T là người đại diện theo ủy quyền.

Việc công ty cho các nguyên đơn thôi việc là đúng pháp luật, các nguyên đơn tự nguyện và có cam kết không khiếu nại hay tranh chấp gì về sau. Bởi lý do, các nguyên đơn thông cảm chia sẻ với công ty trong tình hình dịch bệnh Covid đã ảnh hưởng nghiêm trọng toàn thể giới nói chung và Công ty H nói riêng.

Trước tình hình dịch bệnh, Công ty gặp nhiều khó khăn nên đã ban hành phương án thu hẹp sản xuất kinh doanh. Ngày 28/3/2020 giám đốc công ty họp với ban chấp hành công đoàn, đại diện tập thể người lao động (quản đốc và tổ trưởng) thống nhất cho toàn thể người lao động nghỉ việc không hưởng lương từ 30/03/2020 để chống dịch Covid đến khi hết dịch bệnh. Ngày 28/3/2020 công ty ra thông báo cho người lao động nghỉ việc từ ngày 30/03/2020 đến ngày 17/04/2020. Đồng thời, đến ngày 20/04/2020 nếu tình hình dịch bệnh không suy giảm thì tiếp tục nghỉ.

Do tình hình tài chính công ty ngày càng khó khăn hàng hóa không bán được, công ty không nhận được hỗ trợ nào từ Nhà nước mỗi tháng phải vay từ Ngân hàng để trả tiền lương cho công nhân ước tính hơn 10.000.000.000 đồng/tháng, công ty có nguy cơ phá sản. Ngày 10/4/2020 Giám đốc công ty cùng với Ban chấp hành công đoàn, đại diện tập thể người lao động họp thông qua phương án thu hẹp sản xuất phải cắt giảm 60% lao động (gần 600 lao động) thông qua danh sách những người giữ lại và những người phải cắt giảm (chọn theo ngẫu nhiên của máy quét công ty), không có trường hợp đào tạo lại hoặc làm việc không trọn thời gian (vì công ty không có nhu cầu), các thành viên dự họp đều thống nhất thông qua.

Ngoài ra, thì công ty đã gửi công văn đến Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Long An đề trình phương án thu hẹp sản xuất công ty nên ngày 21/4/2020, Sở có công văn số 1128/SLDTBXH-LĐVL&GDNN đã thống nhất theo phương án sử dụng lao động của Công ty H. Kể từ ngày 21/04/2020 công ty thực hiện đầy đủ chế độ cho người lao động.

Do tình hình diễn biến ngày càng phức tạp, lan rộng khắp nơi. Để khắc phục, kịp thời phòng, chống và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nên ngày 28/04/2020 Ban giám đốc công ty đã họp cùng với Liên đoàn lao động huyện B, Phòng lao động Thương binh và Xã hội huyện B cũng như các cơ quan liên ngành và Ban chấp hành công đoàn Công ty H. Nội dung cuộc họp đã phân tích tình hình khó khăn thật sự mà công ty đang đối mặt do ảnh hưởng của dịch bệnh công ty phải cắt giảm gần 600 công nhân lao động, trong đó có 19 trường hợp phải trợ cấp thất nghiệp (làm việc trước ngày 01/01/2009) là khoản chi trả chế độ khá lớn trong khi công ty phải vay nợ Ngân hàng để hoạt động cầm chừng, khó khăn lại chồng chất khó khăn nên cuộc họp thống nhất thời gian người lao động ngừng việc từ 30/03/2020 đến 28/04/2020 công ty hỗ trợ mỗi

người lao động với số tiền là 2.000.000 đồng. Những lao động làm việc sau ngày 01/01/2009 công ty tham gia bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ cho người lao động nên công ty hoàn tất thủ tục cho họ để họ hưởng trợ cấp thất nghiệp. Đối với 19 lao động có thời gian làm việc trước ngày 01/01/2009 công ty trả phụ cấp thất nghiệp theo quy định tại điều 49/BLLĐ năm 2012.

Cùng ngày 28/04/2020 công ty đã ban hành 02 thông báo số 38 và 39 về việc cắt giảm khoảng 600 lao động và trợ cấp cho 600 công nhân phải nghỉ việc vì thu hẹp sản xuất kinh doanh từ ngày 30/03/2020 đến ngày 28/04/2020 với số tiền là 2.000.000 đồng/người. Như vậy tổng số tiền công ty phải chi trả chế độ để cắt giảm 600 lao động khoảng 1.500.000.000 đồng là quá sức tài chính của công ty trong giai đoạn hàng hóa tồn kho không tiêu thụ được. Công ty cũng đã giải thích cho người lao động hiểu rõ tình hình khó khăn chung của công ty và của toàn xã hội nên cần người lao động thông cảm, chia sẻ phần nào khó khăn với công ty trong đại dịch Covid 19. Hầu hết người lao động đồng ý ký nhận số tiền hỗ trợ là 2.000.000 đồng và ký tên vào bản cam kết công ty trả đủ các chế độ quyền lợi, cam kết không khiếu kiện gì về sau.

Việc phải cắt giảm gần 600 lao động vì ảnh hưởng của dịch bệnh Covid thuộc trường hợp vị lý do kinh tế theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 BLLĐ/2012. Công ty xây dựng phương án sử dụng lao động có Ban chấp hành công đoàn, cùng đại diện tập thể người lao động (Quản đốc, tổ trưởng các bộ phận) tham gia đầy đủ. Phương án sử dụng lao động được Sở lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Long An chấp thuận cho thực hiện là đúng quy định pháp luật.

Người lao động khởi kiện đã ủy quyền cho ông Nguyễn Thành T cho rằng công ty lợi dụng đại dịch Covid 19 để cho thôi việc hàng loạt người lao động là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và buộc Công ty H bồi thường hợp đồng lao động là không có căn cứ pháp luật. Bởi vì, đại dịch Covid 19 là yếu tố khách quan nên công ty không đồng ý chi trả các khoản kiện đòi bồi thường của người lao động nêu trên.

Sau khi tình hình dịch bệnh tạm thời lắng xuống, thì ngày 03/02/2021, ngày 22/02/2021, thì công ty đã Thông báo về việc tuyển lao động và ưu tiên những người đã nghỉ việc vào tháng 4/2020. Do đó, hiện tại có 180 công nhân mà trước đây nghỉ việc đã quay trở lại làm việc. Đồng thời, khi người khởi kiện rút đơn, thì ông Tươi có những hành vi đe dọa họ từ đó những người khác không chịu rút đơn làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tính mạng của họ. Đề nghị Tòa án sớm giải quyết để cho công ty và công nhân an tâm lao động, sản xuất. Ngoài ra, bà không bổ sung ý kiến hay yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, cam kết ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác tại thời điểm

hiện tại cho đến khi Tòa án xét xử các cấp. Đồng thời, cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại bản án lao động sơ thẩm số: 05/2021/LĐ-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 32, Điểm c, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 36, Khoản 2 Điều 44; Điều 49, 98 BLLĐ 2012; Khoản 2 Điều 13 Nghị định 05/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung của Bộ luật lao động; Khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu đối với: Ông Huỳnh Quốc H3, bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn L2, bà Nguyễn Thị L3, Bà Võ Thị Tuyết A, Trần Ngọc A1, Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kim T5.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH Sản xuất Thương mại H bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với số tiền cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị N số tiền là 128.587.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Bà Nguyễn Thị H số tiền là 118.538.380 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu năm trăm ba mươi tám ngàn ba trăm tám mươi đồng*).

- Bà Nguyễn Kim K số tiền là 121.311.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi một triệu ba trăm mười một ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Ông Võ Trí T số tiền là 112.059.025 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu không trăm năm mươi chín ngàn không trăm hai mươi lăm đồng*).

- Bà Lương Thị B số tiền là 100.707.815 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu bảy trăm linh bảy ngàn tám trăm mười lăm đồng*).

- Bà Huỳnh Thị H1 số tiền là 103.605.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Bà Lê Thị Kim A1 số tiền là 103.605.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Bà Đỗ Thị Kim L số tiền là 106.783.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh sáu triệu bảy trăm tám mươi ba ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Bà Huỳnh Thị Ngọc P số tiền là 113.593.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu năm trăm chín mươi ba ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Bà Đỗ Thị Ngọc H2 số tiền là 103.605.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền là 113.665.775 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng*).

- Bà Phùng Thị Hồng G số tiền là 112.231.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu hai trăm ba mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Nguyễn Thị G1 số tiền là 107.691.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh bảy triệu sáu trăm chín mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Nguyễn Thị Yên T1 số tiền là 100.881.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Đặng Thị Sơn P1 số tiền là 99.311.065 đồng (Bằng chữ: Chín mươi chín triệu ba trăm mười một triệu không trăm sáu mươi lăm đồng).
- Bà Lê Thị T3 số tiền là 110.869.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Huỳnh Thị H4 số tiền là 126.256.380 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi đồng).
- Bà Lâm Thị Ngọc Đ số tiền là 114.501.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu năm trăm linh một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Phùng Thị M1 số tiền là 101.789.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh một triệu bảy trăm tám mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Phạm Thị L1 số tiền là 103.605.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Dương Thị T4 số tiền là 89.511.518 đồng (Bằng chữ: Tám mươi chín triệu năm trăm mười một ngàn năm trăm mười tám đồng).
- Bà Nguyễn Thị Ngọc H6 số tiền là 111.777.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười một triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Nguyễn Thị Kim C số tiền là 113.139.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu một trăm ba mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Bùi Thị Thu H7 số tiền là 113.139.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu một trăm ba mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Thị H8 số tiền là 101.570.355 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh một triệu năm trăm bảy mươi ngàn ba trăm năm mươi lăm đồng).
- Ông Võ Văn S1 số tiền là 103.151.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Hà Thị Thu H9 số tiền là 106.329.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh sáu triệu ba trăm hai mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Võ Yên P2 số tiền là 92.940.025 đồng (Bằng chữ: Chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi ngàn không trăm hai mươi lăm đồng).
- Bà Nguyễn Thị Hồng Th2 số tiền là 114.047.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm linh năm đồng).
- Ông Nguyễn Văn H10 số tiền là 106.151.435 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh sáu triệu một trăm năm mươi một ngàn bốn trăm ba mươi lăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị G2 số tiền là 107.691.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh bảy triệu sáu trăm chín mươi một ngàn một trăm linh một đồng).
- Bà Đặng Thị S2 số tiền là 113.139.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu một trăm ba mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Phan Thị Thu Th số tiền là 103.605.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Trương Thị Ngọc D số tiền là 100.881.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Lê Thị Thu Tr số tiền là 120.360.380 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi ngàn ba trăm tám mươi đồng).
- Ông Lê Trọng M2 số tiền là 121.765.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi một triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm linh năm đồng).
- Ông Nguyễn Xuân T6 số tiền là 122.624.380 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm tám mươi đồng).
- Ông Trần Hữu N số tiền là 103.151.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Nguyễn Thị Mộng T7 số tiền là 98.891.815 đồng (Bằng chữ: Chín mươi tám triệu tám trăm chín mươi một ngàn tám trăm mười lăm đồng).
- Ông Nguyễn Văn T8 số tiền là 122.624.380 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm tám mươi đồng).
- Bà Phan Thị Thanh D1 số tiền là 98.891.815 đồng (Bằng chữ: Chín mươi tám triệu tám trăm chín mươi một ngàn tám trăm mười lăm đồng).
- Bà Nguyễn Thị Thanh S3 số tiền là 103.605.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Phan Thị H11 số tiền là 103.605.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Đỗ Thị Th1 số tiền là 100.881.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Huỳnh Thị Kim S4 số tiền là 100.881.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Nguyễn Thị Hồng Y số tiền là 103.151.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Phạm Thị Thảo Tr1 số tiền là 92.948.410 đồng (Bằng chữ: Chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn bốn trăm mười đồng).
- Ông Võ Anh T11 số tiền là 96.477.425 đồng (Bằng chữ: Chín mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm hai mươi lăm đồng).
- Bà Đào Thị S5 số tiền là 101.881.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh một triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).

- Bà Trương Thị H12 số tiền là 97.531.025 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi bảy triệu năm trăm ba mươi một ngàn không trăm hai mươi lăm đồng*).

- Bà Trần Thị H5 số tiền là 101.300.355 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh một triệu ba trăm ngàn ba trăm năm mươi lăm đồng*).

3. Án phí lao động sơ thẩm: Các nguyên đơn được miễn án phí, không phải chịu án phí.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Trong các ngày 27/4, 29/4, 04/5, 05/5/2021, Tòa án nhận đơn kháng cáo của 51 nguyên đơn (không bao gồm 09 nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu đã rút) kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của 51 nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Tươi đại diện cho các nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư Nguyễn Văn H và luật sư Đoàn Thị Phương D thống nhất trình bày:

Về trình tự thủ tục cho thôi việc: Theo khoản 3 Điều 44 Bộ luật Lao động, Điều 7 Thông tư 47/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì bị đơn phải thông báo trước 30 ngày cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh nhưng trường hợp này chỉ trước 18 ngày và nội dung công văn của Sở Lao động Thương binh Xã hội cũng ghi thống nhất phương án của bị đơn và phải thực hiện đầy đủ chế độ cho người lao động chứ không nói chấp nhận cho thôi việc theo cách của bị đơn.

Về lý do kinh tế: Theo khoản 2 Điều 44 Bộ luật Lao động, lý do kinh tế là suy thoái, khủng hoảng kinh tế nhưng Công ty H không thuộc trường hợp này vì không phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định 05/2015. Ngoài ra, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ chứng minh đang khó khăn kinh tế nhưng bị đơn không cung cấp do đó phải được suy luận bị đơn không có khó khăn về kinh tế.

Vì vậy, việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động được xác định thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Bộ luật Lao động nên phải báo trước cho người lao động 30 hoặc 45 ngày theo khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động. Tuy nhiên, Công ty không báo trước mà đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là trái pháp luật nên phải bồi thường cho ông Toàn, bà Kỳ, bà Hương và bà Gấm. Tòa án sơ thẩm cho rằng tất cả nguyên đơn đều đồng ý ký vào bản cam kết là không đúng vì thực tế ông Toàn, bà Kỳ không có ký nhận tiền còn bà Hương, bà Gấm có ký vào bản cam kết nhưng là vì muốn được thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội gấp nên phải ký chứ không phải đồng ý nhận 02 triệu đồng.

Ngoài ra, luật sư cho rằng trong quan hệ lao động nhà làm luật đã quan tâm bảo vệ quyền lợi người lao động nên phải hiểu luật trên tinh thần này, việc thỏa thuận nhận 02 triệu đồng là lợi dụng sự không hiểu biết pháp luật của người lao động để lấy đi khoản tiền từ công sức của người lao động là không thỏa đáng.

Ông Nguyễn Thành T trình bày: Tại sao Công ty không cho người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động không trả lương mà phải cho thôi việc, như vậy là không đảm bảo quyền lợi của người lao động. Nội dung bản cam kết chỉ ghi hỗ trợ cho công nhân 02 triệu đồng trong khoảng thời gian tạm ngừng việc từ ngày 30/3 đến 28/4/2020 chứ ngoài thời gian này thì người lao động không có cam kết. Vì vậy, ông yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Các nguyên đơn Nguyễn Kim K, Nguyễn Xuân T6, Hà Thị Thu H9 trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của các luật sư và ông Nguyễn Thành T, đồng thời ông Toàn cũng đồng ý nhận số tiền hỗ trợ 02 triệu đồng từ Công ty H.

Ông Phạm Phước T và bà Đặng Thị Cẩm H có ý kiến trình bày: Thống nhất với các ý kiến của bị đơn đã trình bày tại cấp sơ thẩm, ngoài ra tại phiên tòa hôm nay Công ty đồng ý hỗ trợ cho ông Toàn, bà Kỳ do chưa nhận hỗ trợ, mỗi người 02 triệu đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án về phần này, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Do tình hình dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu và Công ty H nói riêng nên Công ty đã ban hành các văn bản, thông báo và công văn về việc thu hẹp sản xuất do khủng hoảng kinh tế. Đồng thời, Công ty gửi phương án này đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Long An và đã được chấp thuận. Do đó việc Công ty cho các nguyên đơn thôi việc là đúng quy định tại khoản 2 Điều 44 Bộ luật Lao động năm 2012, và người lao động đã nhận tiền hỗ trợ, sổ bảo hiểm xã hội theo Luật bảo hiểm xã hội. Theo hồ sơ thể hiện các nguyên đơn cũng hiểu và chia sẻ khó khăn của Công ty khi dịch bệnh xảy ra nên tự nguyện ký tên vào các “*Bản cam kết*” cùng ngày 13/5/2020 để đồng ý thôi việc và nhận 02 triệu đồng hỗ trợ. Khi tình hình dịch bệnh tạm ổn, Công ty đã thông báo tuyển dụng lao động và ưu tiên cho những người đã nghỉ việc trước đây trở lại làm việc. Với lý do trên, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ.

Riêng ông Toàn, bà Kỳ chưa nhận hỗ trợ mỗi người 02 triệu đồng, tại tòa phúc thẩm Công ty đồng ý hỗ trợ khoản này nên cần ghi nhận, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông Toàn, bà Kỳ, sửa một phần bản án sơ thẩm. Ngoài ra, cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*tranh chấp xử lý kỷ luật lao động do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” là không đúng vì nội dung vụ án hoàn toàn không liên quan đến việc xử lý kỷ luật lao động do đó đề nghị sửa quan hệ tranh chấp là “*đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” mới chính xác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 32, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*tranh chấp xử lý kỷ luật lao động do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” là không đúng vì yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và nội dung vụ án không liên quan đến việc xử lý kỷ luật lao động do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa quan hệ pháp luật tranh chấp trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là “*tranh chấp bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” theo điểm b khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 10 Điều 36, Điều 42 Bộ luật Lao động.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Trong tình hình dịch bệnh Covid 19, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 về các nhiệm vụ cấp bách, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh đảm bảo an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid 19 và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 quy định điều kiện, trình tự hỗ trợ các đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

[5] Ứng phó với tình hình dịch bệnh, sản xuất kinh doanh trì trệ phải thu hẹp sản xuất tổ chức lại lao động, ngày 28/3/2020 Công ty H đã ban hành Thông báo về việc nghỉ chống dịch từ ngày 30/3/2020 cho đến khi hết dịch bệnh và thống nhất thời gian nghỉ không lương chống dịch có đại diện tập thể người lao động thống nhất và ký tên. Ngày 10/4/2020, công ty đã lập biên bản thống nhất phương án thu hẹp sản xuất, đồng thời Công ty gửi văn bản đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Long An để trình phương án thu hẹp sản xuất. Ngày 21/4/2020, Sở có Công văn số 1128/SLĐTBXH –LĐ&GDNN đã thống nhất với phương án thu hẹp sản xuất của Công ty. Ngày 28/4/2020, Công ty ban hành Thông báo về việc thực hiện phương án thu hẹp sản xuất do tình hình dịch bệnh đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, đồng thời Công ty thông

báo về việc hỗ trợ cho công nhân mỗi người lao động với số tiền là 2.000.000 đồng từ ngày 30/3/2020 đến ngày 28/4/2020 (do nghỉ không lương) có sự chứng kiến của Ban chấp hành công đoàn cơ sở của công ty và Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện B. Ngày 13/5/2020 hầu hết công nhân đã tự nguyện ký tên vào “*Bản cam kết*” và xác định không khiếu nại hay khiếu kiện gì về sau, đã nhận tiền hỗ trợ cũng như các chế độ khác theo quy định pháp luật.

[6] Xét thấy, việc Công ty ban hành quyết định về việc cho thôi việc đối với các nguyên đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 44 Bộ luật Lao động 2012 và khoản 2 Điều 13 Nghị định 05/2015/NĐ-CP. Trong vụ án này có 58/60 nguyên đơn tự nguyện ký tên vào “*Bản cam kết*”, đã nhận quyết định thôi việc, số bảo hiểm xã hội và cũng không có khiếu nại gì. Điều đó chứng tỏ giữa các nguyên đơn với Công ty H đã tự thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động mà hai bên đã ký kết được quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật lao động, Công ty đã chốt sổ bảo hiểm và cơ quan Bảo hiểm đã thanh toán các chế độ theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 47, Điều 48, 49 Bộ luật lao động và khoản 3, Điều 18 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

[7] Từ những căn cứ trên, xét thấy Công ty H cho người lao động thôi việc là đúng pháp luật, cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của 49 nguyên đơn (trừ nguyên đơn Nguyễn Xuân T6 và Nguyễn Kim K). Riêng ông Toàn, bà Kỳ chưa nhận hỗ trợ mỗi người 02 triệu đồng, tại phiên tòa phúc thẩm ông Toàn đồng ý nhận số tiền này, Công ty đồng ý thanh toán khoản tiền này cho ông Toàn và bà Kỳ nên cần ghi nhận, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Toàn, bà Kỳ, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần này như lời trình bày của bị đơn và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[8] Các nguyên đơn bị bác kháng cáo được miễn án phí phúc thẩm; ông Toàn, bà Kỳ không phải chịu án phí phúc thẩm. Công ty H phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng do phải thanh toán cho ông Toàn, bà Kỳ 04 triệu đồng.

[9] Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của 49 nguyên đơn (trừ nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T6 và bà Nguyễn Kim K).

Chấp nhận một phần kháng cáo của 02 nguyên đơn: ông Nguyễn Xuân T6 và bà Nguyễn Kim K.

Sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số: 05/2021/LĐ-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B đối với khoản tiền Công ty TNHH Sản xuất Thương mại H phải thanh toán cho ông Nguyễn Xuân T6 và bà Nguyễn Kim K.

Căn cứ vào các Điều 32, 35, 39, 147, 148, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 36, khoản 2 Điều 44; Điều 49, 98 Bộ luật Lao động 2012; khoản 2 Điều 13 Nghị định 05/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung của Bộ luật lao động; khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu đối với các nguyên đơn: Ông Huỳnh Quốc H3, bà Trần Thị T2, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn L2, bà Nguyễn Thị L3, bà Võ Thị Tuyết A, bà Trần Ngọc A1, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kim T5.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH Sản xuất Thương mại H bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với số tiền cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị N số tiền là 128.587.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Bà Nguyễn Thị H số tiền là 118.538.380 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu năm trăm ba mươi tám ngàn ba trăm tám mươi đồng*).

- Bà Nguyễn Kim K số tiền là 121.311.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi một triệu ba trăm mười một ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Ông Võ Trí T số tiền là 112.059.025 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu không trăm năm mươi chín ngàn không trăm hai mươi lăm đồng*).

- Bà Lương Thị B số tiền là 100.707.815 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu bảy trăm linh bảy ngàn tám trăm mười lăm đồng*).

- Bà Huỳnh Thị H1 số tiền là 103.605.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Bà Lê Thị Kim A1 số tiền là 103.605.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Bà Đỗ Thị Kim L số tiền là 106.783.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh sáu triệu bảy trăm tám mươi ba ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Bà Huỳnh Thị Ngọc P số tiền là 113.593.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu năm trăm chín mươi ba ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Bà Đỗ Thị Ngọc H2 số tiền là 103.605.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền là 113.665.775 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng*).

- Bà Phùng Thị Hồng G số tiền là 112.231.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu hai trăm ba mươi một ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Bà Nguyễn Thị G1 số tiền là 107.691.105 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh bảy triệu sáu trăm chín mươi một ngàn một trăm linh năm đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Yên T1 số tiền là 100.881.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Đặng Thị Sơn P1 số tiền là 99.311.065 đồng (Bằng chữ: Chín mươi chín triệu ba trăm mười một triệu không trăm sáu mươi lăm đồng).
- Bà Lê Thị T3 số tiền là 110.869.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Huỳnh Thị H4 số tiền là 126.256.380 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi đồng).
- Bà Lâm Thị Ngọc Đ số tiền là 114.501.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu năm trăm linh một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Phùng Thị M1 số tiền là 101.789.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh một triệu bảy trăm tám mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Phạm Thị L1 số tiền là 103.605.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Dương Thị T4 số tiền là 89.511.518 đồng (Bằng chữ: Tám mươi chín triệu năm trăm mười một ngàn năm trăm mười tám đồng).
- Bà Nguyễn Thị Ngọc H6 số tiền là 111.777.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười một triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Nguyễn Thị Kim C số tiền là 113.139.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu một trăm ba mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Bùi Thị Thu H7 số tiền là 113.139.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu một trăm ba mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Thị H8 số tiền là 101.570.355 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh một triệu năm trăm bảy mươi ngàn ba trăm năm mươi lăm đồng).
- Ông Võ Văn S1 số tiền là 103.151.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Hà Thị Thu H9 số tiền là 106.329.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh sáu triệu ba trăm hai mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Võ Yên P2 số tiền là 92.940.025 đồng (Bằng chữ: Chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi ngàn không trăm hai mươi lăm đồng).
- Bà Nguyễn Thị Hồng Th2 số tiền là 114.047.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm linh năm đồng).
- Ông Nguyễn Văn H10 số tiền là 106.151.435 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh sáu triệu một trăm năm mươi một ngàn bốn trăm ba mươi lăm đồng).
- Bà Nguyễn Thị G2 số tiền là 107.691.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh bảy triệu sáu trăm chín mươi một ngàn một trăm linh một đồng).
- Bà Đặng Thị S2 số tiền là 113.139.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu một trăm ba mươi chín ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Phan Thị Thu Th số tiền là 103.605.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng).

- Bà Trương Thị Ngọc D số tiền là 100.881.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Lê Thị Thu Tr số tiền là 120.360.380 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi ngàn ba trăm tám mươi đồng).
- Ông Lê Trọng M2 số tiền là 121.765.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi một triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm linh năm đồng).
- Ông Nguyễn Xuân T6 số tiền là 122.624.380 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm tám mươi đồng).
- Ông Trần Hữu N số tiền là 103.151.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm linh năm đồng)
- Bà Nguyễn Thị Mộng T7 số tiền là 98.891.815 đồng (Bằng chữ: Chín mươi tám triệu tám trăm chín mươi một ngàn tám trăm mười lăm đồng).
- Ông Nguyễn Văn T8 số tiền là 122.624.380 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm tám mươi đồng).
- Bà Phan Thị Thanh D1 số tiền là 98.891.815 đồng (Bằng chữ: Chín mươi tám triệu tám trăm chín mươi một ngàn tám trăm mười lăm đồng).
- Bà Nguyễn Thị Thanh S3 số tiền là 103.605.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Phan Thị H11 số tiền là 103.605.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu sáu trăm linh năm ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Đỗ Thị Th1 số tiền là 100.881.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Huỳnh Thị Kim S4 số tiền là 100.881.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Nguyễn Thị Hồng Y số tiền là 103.151.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Phạm Thị Thảo Tr1 số tiền là 92.948.410 đồng (Bằng chữ: Chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn bốn trăm mười đồng).
- Ông Võ Anh T11 số tiền là 96.477.425 đồng (Bằng chữ: Chín mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm hai mươi lăm đồng).
- Bà Đào Thị S5 số tiền là 101.881.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh một triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm linh năm đồng).
- Bà Trương Thị H12 số tiền là 97.531.025 đồng (Bằng chữ: Chín mươi bảy triệu năm trăm ba mươi một ngàn không trăm hai mươi lăm đồng).
- Bà Trần Thị H5 số tiền là 101.300.355 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh một triệu ba trăm ngàn ba trăm năm mươi lăm đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại H đồng ý thanh toán tiền hỗ trợ cho ông Nguyễn Xuân T6 và bà Nguyễn Kim K mỗi người là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

4. Về án phí sơ thẩm:

- 51 nguyên đơn bị bác yêu cầu khởi kiện được miễn án phí lao động sơ thẩm.

- 09 nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng đồng) án phí lao động sơ thẩm.

5. Về án phí phúc thẩm:

- 49 nguyên đơn (trừ nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T6 và bà Nguyễn Kim K) bị bác kháng cáo được miễn án phí lao động phúc thẩm.

- Ông Nguyễn Xuân T6 và bà Nguyễn Kim K không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc